

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST

Ngày 30-01-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sang

2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trần Điện Ảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 178/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thùy D, sinh ngày 15/7/1989; CCCD: 008189012667; địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Gia Lai; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Phi T, sinh ngày 16/3/1989; CCCD: 052089019342; địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 7 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thùy D trình bày: Chị và anh Nguyễn Phi T quen biết, tìm hiểu một thời gian thì tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 5 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây thì xảy ra mâu thuẫn do không còn tiếng nói chung, tình cảm ngày càng rạn nứt. Chị đã cố gắng hàn gắn nhưng khoảng cách giữa hai vợ chồng ngày càng lớn dần và không thể cứu vãn. Anh chị sống ly thân từ tháng 01/2025 đến nay. Nay xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn, bản thân cảm thấy mệt mỏi trong cuộc hôn nhân này nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên là Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2013 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2021. Hiện 02 con đang sống với chị. Nếu ly hôn, chị yêu cầu nuôi 02 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ: Chị và anh T tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Phi T không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh T, giao 02 con chung cho chị D nuôi, buộc anh T cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thùy D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với anh Nguyễn Phi T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T đang cư trú tại thôn H, xã T, tỉnh Gia Lai nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[2] Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, áp dụng Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh T.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có chị D cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ này và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Chị Phạm Thùy D và anh Nguyễn Phi T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 5 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Tuyên

Quang nên hôn nhân giữa chị D, anh T là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị D xin ly hôn vì lý do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, tình cảm ngày càng rạn nứt. Chị đã cố gắng hàn gắn nhưng khoảng cách giữa hai vợ chồng ngày càng lớn dần và không thể cứu vãn. Anh chị sống ly thân từ tháng 01/2025 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Phi T không đến Tòa án làm việc, cũng không có ý kiến phản hồi hay biện pháp nào thể hiện thiện chí hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng. Tuy là vợ chồng hợp pháp nhưng chị D và anh T không có tình nghĩa vợ chồng, sống ly thân một thời gian dài. Điều này cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị D, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị D được ly hôn anh T.

[5] Về quan hệ con chung: Chị D và anh T có 02 con chung tên là Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2013 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2021. Hiện 02 con đang sống với chị D. Chị D yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con. Xét thấy trong thời gian vợ chồng không chung sống, chị D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con, các cháu đã ổn định về tâm lý và đời sống, gắn bó, thân thiết với mẹ; chị D có đủ điều kiện bảo đảm cho các cháu phát triển bình thường. Các cháu đều là con gái, cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Hơn nữa, cháu Nguyễn Bảo T1 có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu T1 và cháu N cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[6] Chị Phạm Thùy D yêu cầu anh Nguyễn Phi T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, không có tài liệu, chứng cứ xác định được mức thu nhập cụ thể của anh T. Căn cứ Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng nuôi con không thấp hơn $\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu vùng nơi anh T đang cư trú (vùng IV) tương đương $3.700.000 \text{ đồng} / 2 = 1.850.000 \text{ đồng}$. Xét thấy mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi cháu là phù hợp, bảo đảm quyền lợi của các cháu và phù hợp với điều kiện thực tế. Do đó, căn cứ Điều 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1, cháu N hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu. Vì không có căn cứ xác định thời gian anh T vi phạm nghĩa vụ nuôi con nên thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi cháu T1, cháu N đủ 18 tuổi.

[7] Về tài sản chung và nợ: Chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Phạm Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Anh Nguyễn Phi T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Cho chị Phạm Thùy D ly hôn anh Nguyễn Phi T.

2. Giao con chung là cháu Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2013 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2021 cho chị Phạm Thùy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện 02 con đang sống với chị D.

Anh Nguyễn Phi T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Bảo T1 hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Phi T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Bảo N hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Chị Phạm Thùy D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002927 ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Anh Nguyễn Phi T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND khu vực 2 – Gia Lai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2 – Gia Lai;
- UBND xã Bạch Xa, tỉnh Tuyên Quang (Số 13/2013);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Quyên